

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản
theo cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP
ngày 21/9/2025 của Chính phủ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ về việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024;

Căn cứ Kết luận số 05-KL/TU ngày 28/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Nghị quyết số 66.4/2025/NĐ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ (đợt 1);

Căn cứ Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 27/9/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ về việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại các Tờ trình: số 1297/TTr-SNNMT ngày 21/10/2025, số 1331/TTr-SNNMT ngày 29/10/2025 và Công văn số 14070/SNNMT-ĐCKS ngày 30/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 10 khu vực mỏ đất làm vật liệu san lấp là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, nhằm phục vụ thi công các công trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo cơ chế, chính sách đặc thù tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ, gồm các khu vực sau:

- 06 mỏ đất tại xã Sao Vàng, gồm: Khu vực 1: 10.661 m²; Khu vực 2: 8.164 m²; Khu vực 3: 9.901 m²; Khu vực 4: 27.023 m²; Khu vực 5: 20.771 m²; Khu vực 6: 12.815 m².

- 01 mỏ đất tại xã Mường Mìn: Diện tích 4.209 m².

- 01 mỏ đất tại xã Yên Thọ: Diện tích 168.300 m² (gồm 02 vị trí: Vị trí 1: 90.000 m²; Vị trí 2: 78.300 m²).
- 01 mỏ đất tại xã Trường Lâm: diện tích 95.020 m² (gồm 02 vị trí: Vị trí 1: 31.740 m²; Vị trí 2: 63.280 m²).
- 01 mỏ đất tại xã Các Sơn: Diện tích 30.000 m².

(Có phụ lục các khu vực mỏ kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Ban QLDA và UBND các xã, phường có liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan khác về tính chính xác, tính pháp lý của nội dung tham mưu, thẩm định theo đúng quy định của pháp luật; Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị và UBND các xã, phường có liên quan, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản quy định tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định của pháp luật.

- UBND các xã: Sao Vàng, Mường Mìn, Yên Thọ, Trường Lâm, Các Sơn có trách nhiệm phối hợp, bảo đảm cho việc triển khai thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản đối với khu vực đã được khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng hiện trạng đã phê duyệt; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn quản lý, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Giám đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng: Các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp Thanh Hoá, Khu vực Nghi Sơn, Khu vực Thọ Xuân, Khu vực Quan Sơn; Chủ tịch UBND các xã: Sao Vàng, Lam Sơn, Mường Mìn, Yên Thọ, Trường Lâm, Các Sơn; Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (T10.108).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

DANH MỤC KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
THEO CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 66.4/2025/NQ-CP NGÀY 21/9/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

TT	Địa danh, vị trí mỏ	Diện tích (m ²)	Khối lượng dự báo/trữ lượng (m ³)	Loại khoáng sản	Tọa độ hệ VN 2000 múi chiếu 3 ⁰	Tên dự án/công trình	Chủ đầu tư dự án/công trình	Tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá
1	Xã Sao Vàng	10.661	53.305	Đất làm vật liệu san lấp	2197 159,332 - 543 372,542 2197 195,501 - 543 429,870 2197 235,185 - 543 460,748 2197 285,436 - 543 486,602 2197 294,016 - 543 496,885 2197 282,307 - 543 507,132 2197 225,100 - 543 547,159 2197 198,008 - 543 528,905 2197 159,354 - 543 518,600	Khu dân cư tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá Khu dân cư Mũ Cao thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Lam Sơn	Điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ để cung cấp cho các công trình, dự án đầu tư công theo đề xuất của Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Thọ Xuân, UBND xã Lam Sơn
2	Xã Sao Vàng	8.164	53.066	Đất làm vật liệu san lấp	2197 138,335 - 543 346,887 2197 064,190 - 543 387,890 2197 063,460 - 543 438,270 2197 070,494 - 543 477,126 2197 138,357 - 543 480,561	Dự án Nâng cấp, tu bổ các đoạn xung yếu tuyến đê sông Tiêu Thủy, huyện Thọ Xuân Dự án Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi trung tâm hành chính mới huyện Thọ Xuân	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Thọ Xuân	Điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ để cung cấp cho các công trình, dự án đầu tư công theo đề xuất của Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Thọ Xuân
3	Xã Sao Vàng	9.901	79.208	Đất làm vật liệu san lấp	2197 189,397 - 543 825,718 2197 191,020 - 543 840,480 2197 219,643 - 543 888,794	Khu dân cư tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	UBND xã Lam Sơn	Điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày

					2197 228,410 - 543 914,720 2197 238,802 - 543 961,693 2197 239,096 - 544 006,291 2197 205,641 - 543 999,630 2197 198,846 - 543 985,657 2197 159,413 - 543 973,424	Khu dân cư Mũ Cao thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá		21/9/2025 của Chính phủ để cung cấp cho các công trình, dự án đầu tư công theo đề xuất của Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Thọ Xuân, UBND xã Lam Sơn
4	Xã Sao Vàng	27.023	297.253	Đất làm vật liệu san lấp	2197 138,417 - 544 005,905 2197 061,344 - 544 001,981 2197 052,882 - 543 955,588 2196 999,766 - 543 934,334 2196 999,751 - 543 767,161 2197 087,310 - 543 790,230 2197 138,389 - 543 800,835	Tuyến đường số 8 đô thị Lam Sơn - Sao Vàng	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Thọ Xuân	Điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ để cung cấp cho các công trình, dự án đầu tư công theo đề xuất của Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Thọ Xuân
5	Xã Sao Vàng	20.771	114.240	Đất làm vật liệu san lấp	2197 159,381 - 543 692,983 2197 235,920 - 543 737,009 2197 320,739 - 543 818,868 2197 364,231 - 543 850,477 2197 356,761 - 543 879,200 2197 274,660 - 543 930,110 2197 240,280 - 543 867,630 2197 214,160 - 543 829,230 2197 159,394 - 543 776,671	Dự án Tuyến đường nối Quốc lộ 47 với Quốc lộ 47C, huyện Thọ Xuân (giai đoạn 1)	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Thọ Xuân	Điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ để cung cấp cho các công trình, dự án đầu tư công theo đề xuất của Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Thọ Xuân
6	Xã Sao Vàng	12.815	51.260	Đất làm vật liệu san lấp	2197 159,468- 544 365,742 2197 290,859- 544 415,253 2197 289,669- 544 464,715 2197 268,825- 544 493,873 2197 246,845- 544 512,061 2197 231,950- 544 500,240 2197 198,850- 544 482,750 2197 175,270- 544 475,010 2197 159,482 - 544 468,488	Khu dân cư tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá Khu dân cư Mũ Cao thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Lam Sơn	Điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ để cung cấp cho các công trình, dự án đầu tư công theo đề xuất của Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Thọ Xuân, UBND xã Lam Sơn

7	Xã Mường Mìn	4.208	32.000	Đất làm vật liệu san lấp	2238 233,47 - 472 737,89 2238 232,70 - 472 779,94 2238 180,00 - 472 783,00 2238 132,79 - 472 769,34 2238 126,73 - 472 738,02	Công trình Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Yên, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Quan Sơn	Điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ để cung cấp cho các công trình, dự án đầu tư công theo đề xuất của Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Quan Sơn
8	Xã Yên Thọ	168.300 m ² : Vị trí 1: 90.000 m ² Vị trí 2: 78.300 m ²	2.483.111	Đất làm vật liệu san lấp	Vị trí 1: 2163 644,00 - 563 531,21 2163 496,96 - 563 648,40 2163 188,42 - 563 662,47 2163 087,37 - 563 634,91 2163 130,80 - 563 443,32 2163 445,42 - 563 493,53 2163 580,78 - 563 438,32 Vị trí 2: 2163 654,80 - 563 544,00 2163 750,40 - 563 636,50 2163 709,54 - 563 682,54 2163 822,48 - 563 782,65 2163 858,94 - 563 741,53 2163 935,50 - 563 815,60 2163 944,30 - 564 036,10 2163 925,30 - 564 053,20 2163 516,80 - 563 654,60	Công trình: Dự án tiêu vùng 3 Nông Cống (giai đoạn 2), tỉnh Thanh Hóa: - Gói thầu số 17: Xây lắp, thiết bị và bảo hiểm các hạng mục thuộc Tiểu vùng 1. - Gói thầu số 18: Xây lắp, thiết bị và bảo hiểm xây dựng các hạng mục thuộc Tiểu vùng 3. - Gói thầu số 19: Xây lắp, thiết bị và bảo hiểm xây dựng các hạng mục thuộc Tiểu vùng 4.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ để cung cấp cho các công trình, dự án đầu tư công theo đề xuất của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Xã Trường Lâm	95.020 m ² : Vị trí 1: 31.740 m ² Vị trí 2: 63.280 m ²	2.200.000	Đất làm vật liệu san lấp	Vị trí 1: 2143 713,64 - 571 846,76 2143 947,54 - 571 970,35 2143 837,15 - 572 106,67 2143 729,00 - 572 010,00 2143 709,00 - 571 914,00 Vị trí 2: 2143 715,00 - 572 018,00 2143 616,51 - 572 183,00 2143 589,17 - 572 347,26	Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB. Dự án Đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn (Tuyến số 2: Đường Nghi Sơn - Bãi Trành đoạn từ cầu	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hoá Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hoá	Điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ để cung cấp cho các công trình, dự án đầu tư công theo đề xuất của Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN

					2143 611,23 - 572 435,99 2143 685,42 - 572 427,34 2143 757,01- 572 382,48 2143 832,74 - 572 125,77	Hồ đến đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông)		Thanh Hoá; Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Nghi Sơn
						Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hoá	
						Nâng cấp, mở rộng đường Bắc Nam 1B và đường Bắc Nam 2 (đoạn từ QL.1A tại phường Xuân Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B) - Khu kinh tế Nghi Sơn	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hoá	
						Nâng cấp, mở rộng đường từ Quốc lộ 1A vào các khu công nghiệp phía Tây Nam đi mỏ Sét - Khu kinh tế Nghi Sơn	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hoá	
						Đầu tư hệ thống thoát nước cho các khu công nghiệp phía Đông Bắc (Kênh Cầu Cứu và kênh Núi Cốc) - Khu kinh tế Nghi Sơn	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hoá	
						Dự án Đầu tư xây dựng hoàn thiện tuyến đường Đông Tây 2	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	
						Dự án Đầu tư xây dựng hoàn thiện tuyến đường Đông Tây	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	

						Dự án Xây dựng hoàn thiện tuyến đường bộ ven biển (đoạn kết nối đường ĐT.513 với các khu bến cảng phía Nam khu kinh tế Nghi Sơn)	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	
						Mở rộng khu tái định cư Nam đường Hồ Tùng Mậu (phần mở rộng theo quyết định số 3969/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh)	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	
						Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đến Khu công nghiệp số 17	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Nghi Sơn	
10	Xã Các Sơn	30.000	500.000	Đất làm vật liệu san lấp	2161 865,11 - 576 819,92 2161 978,53 - 576 797,34 2162 056,26 - 576 972,18 2162 013,03 - 577 175,85 2161 887,88 - 577 233,04 2161 812,39 - 577 049,37 2161 862,24 - 576 937,16 2161 871,41 - 576 907,13 2161 869,51 - 576 850,79	Dự án Đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn: Tuyến số 1: Đường tỉnh 512 đoạn từ Quốc lộ 1A đến đường Thọ Xuân - Nghi Sơn	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hoá	Điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ để cung cấp cho các công trình, dự án đầu tư công theo đề xuất của Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hoá; Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Nghi Sơn
						Khu tái định cư phường Nguyên Bình phục vụ GPMB khu công nghiệp số 17	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Nghi Sơn	
						Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi khu công nghiệp số 20 qua phường Hải Lĩnh và xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Nghi Sơn	
						Khu tái định cư số 01 tại xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp số 20 Khu kinh tế Nghi Sơn	Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Nghi Sơn	